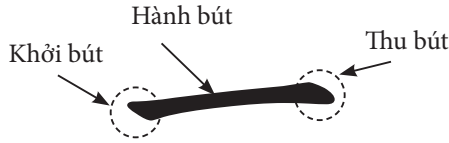


## Bài 1: TỪ NHẤT — ĐẾN ẤT 乙



### TRIẾT LÝ CHỮ NHẤT —

#### Chiết tự và nghĩa của từ:

Tổng nét: 1; Bộ: nhất — (bộ thủ); Lục thư: chỉ sự.

1. (Danh) Một, là số đứng đầu các số đếm.
2. (Danh) Họ “Nhất”.
3. (Tính) Cùng, giống nhau, tương đồng. Như: “nhất mô nhất dạng” 一模一樣 (hoàn toàn giống nhau), “đại tiểu bất nhất” 大小不一 (lớn nhỏ không như nhau).

#### Ý nghĩa:

- *Khởi bút* 啓筆: bắt đầu nét bút. Khởi bút được xem là *bản* 本 (gốc), *tiên* 先 (trước - xét về thời gian hay thứ tự), *tiền* 前 (phía trước, trước - xét về thời gian hay thứ tự), hay *thủy* 始 (bắt đầu, khởi điểm).
- *Hành bút* 行筆: di chuyển nét bút.
- *Thu bút* 收筆: kết thúc nét bút. Thu bút được xem là *mạt* 末 (ngọn), *hậu* 後 (sau - về thời gian đối với “tiên” 先, “tiền” 前; về không gian, vị trí đối với “tiên” 前), *hậu* 后 (sau - xét về vị trí), hay *chung* 終 (kết thúc, cuối cùng).

#### Triết lý:

- Chữ *nhất* —, theo lối chữ khải (khải thư), khởi bút và thu bút thì tương đồng nhưng hành bút lại có thay đổi. Việc thủy chung trong đời sống vợ chồng hay bạn bè cũng thế, lúc khởi đầu và kết thúc như nhau nhưng trong thời gian chung sống (hành bút) không tránh được những va chạm. Lúc ấy, nét bút tuy có thắt lại nhưng không đứt vì giữ được sự thủy chung.

– Ứng dụng của chữ *nhất* —

**Nhất bản vạn lợi** 一本万利: Một vốn bốn lời (nghĩa đen). Một khoản lợi nhuận lớn (nghĩa rộng).

**Nhất bào bách noãn** 一胞百卵: Một bọc trăm trứng. Theo truyền thuyết thì Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ và sinh ra bào thai có 100 quả trứng, nở thành 100 người con. Số 100 ở đây ý nói là nhiều.

**Nhất cử lưỡng đắc** 一举两得: Một việc được hai (nghĩa đen). Một mũi tên trúng hai đích (nghĩa rộng).

**Nhất cử lưỡng tiện** 一举两便: Một việc được hai điều thuận lợi (nghĩa đen). Ý nói làm ít mà lợi nhiều (nghĩa rộng).

**Nhất cử nhất động** 一举一动: Thành ngữ theo công thức  $Ax + Ay$ , với A là nhất, x là cử, y là động; xy là cử động; mọi hành động.

**Nhất cử thành danh** 一举成名: Một việc làm nên danh tiếng (nghĩa đen). Ý nói mới làm lần đầu mà danh tiếng đã vang dội.

**Nhất đao lưỡng đoạn** 一刀两段: Một dao hai khúc (nghĩa đen). Ý nói sự quả quyết, dũng mãnh chẳng khác nào chém một nhát đao mà đứt lia thành hai khúc.

**Nhất dĩ quán chi** 一以贯之: Một lần xuyên hết (nghĩa đen). Ý muốn nói chỉ gốc ở một lý thôi mà thông suốt cả trăm ngàn việc ví như chỉ một sợi dây mà sâu suốt hết vô số tiền. Trong đó, dĩ 以: dt. nguyên nhân, lý do; đt. : lấy; quán 贯: dây để xuyên tiền.

**Nhất lạc diệp tri thu** 一落叶知秋: Một chiếc lá rụng biết mùa thu. Sách Hoài Nam Tử có câu: Nhất diệp lạc nhi thiên hạ tri thu 一葉落而天下知秋: Một chiếc lá rụng mọi người đều biết thu về. Thơ xưa cũng có câu: Ngô đồng nhất diệp lạc; Thiên hạ cộng tri thu 梧桐一葉落; 天下共知秋: Một lá ngô đồng rụng, mọi người cùng biết mùa thu.

**Nhất hô bách nặc** 一呼百諾: Một gọi trăm dạ. Chỉ cảnh nhà quyền quý cao sang.

**Nhất hồ thiên kim 一壺千金**: Quả bầu nghìn vàng. Ý muốn nói một vật tuy tầm thường như quả bầu khô nhưng khi gặp việc nó có thể giúp ích rất lớn, ví như giữa sông đắm thuyền thì lúc đó quả bầu khô còn giá trị hơn cả nghìn vàng.

**Nhất khắc thiên kim 一刻千金**: Một khắc nghìn vàng. Ý nói thì giờ rất quý báu.

**Nhất kỳ tâm 一其心**: một lòng.

### Trong ca dao Việt:

Công anh đắp năm trồng chanh  
Chẳng được ăn quả vin cành cho cam  
Xin đừng ra dạ bắc nam

*Nhất nhật bất kiến như tam thu hê (\*)*

一日不見如三秋兮

*Tam thu nhi bất kiến hê*

三秋而不見兮

Đường kia lối nọ như chia mối sầu

Về đâu chắc đã hơn đâu?!

(\*) mượn của Thái Cát 采葛, Kinh Thi 詩經.

彼采蕭兮， 芣苢采芣 (tiêu) hê. (Người kia đi hái cỏ tiêu,)

一日不見， 一其心 (Một ngày không thấy nhau,)

如三秋兮！ 一其心 (Thì đằng đằng như ba năm vậy.)

“Anh như tấm vóc đại hồng

Em như chỉ thắm thêu rồng nên chăng?

**Nhất** 一 chờ, nhì đợi, tam mong

Tứ thương, ngũ nhớ, lục, thất, bát mong, cửu thập tìm.”